TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15-4-2022.
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Vân Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Dương Ngô Phiên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Nông Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 15-4-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:178/2021/TLST-HNGĐ ngày 19-11-2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10-3-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/QĐ-ST, ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992(có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đông, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh H là ông Nguyễn Đình Đ - Luật sư thuộc văn phòng luật sư K, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt).

Địa chỉ: số 99, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Bà Nguyễn Thị M, Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: số 663, đường Lê Lợi, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- Người giám hộ cho anh H là bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959 mẹ đẻ anh H (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã L, huyện H1, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Nông Thị D, sinh năm 1997 - (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Cầu Nhãn, xã Xuân Lương, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, anh Nguyễn Văn H trình bày*

Anh kết hôn với chị D vào ngày 29/12/2020, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H1, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị D về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H phát hiện chị D có quan hệ nam nữ bất chính với người khác, anh có khuyên bảo nhưng chị D cãi lại, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng. tháng 7/ 2021 chị D bỏ đi làm Công ty không về nhà nữa. Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị D.

Về con chung. Vợ chồng anh không có con chung;

Về tài sản chung, công nợ chung. Vợ chồng anh không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị K trình bầy: Bà là mẹ anh H. Anh H từ nhỏ đến lớn anh khỏe mạnh, phát triển bình thường đến năm 2017 Anh H có biểu hiện bệnh trầm cảm gia đình bà cho anh H đi khám bệnh tại bệnh viện Bạch Mai chuẩn đoán anh H bị bệnh rối loạn phân liệt cảm xúc – loại trầm cảm, anh H điều trị từ đó đến nay, bệnh đã ổn định và khỏi. Việc anh H kết hôn với chị D, như anh H trình bầy là đúng. Chị D, anh H chung sống tại nhà bà thời gian đầu hòa thuận đến đầu năm 2021 thì chị D có biểu hiện nhắn tin, điện thoại với người đàn ông lạ, anh H có nói, chị D có cãi lại nên vợ chồng có hay sảy ra cãi nhau, đến tháng 7/ 2021 chị D bỏ nhà đi vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nay anh H xin ly hôn chị D bà đồng ý với ý kiến anh H. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị D, anh H không có.

**** Tại bản khai, chị Nông Thị D trình bày:*** Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa vào ngày 29/12/2020. Sau khi kết hôn chị D và nhà anh H làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 7/2021 do bất đồng quan điểm giữa chị với mẹ chồng, anh H lại nghe lời mẹ nên chị đã ở lại công ty không về nhà chồng, được một thời gian thì khi chị về nhà thì mẹ chồng chị ngăn cản không cho vợ chồng chị chung sống với nhau, anh H nghe lời mẹ không cho chị về nên vợ chồng chị đã sống ly thân 7/2021 đến nay. Nay anh H làm đơn chị thấy tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung,

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay vì lý do công việc ở Công ty không nghỉ được hơn nữa do dịch bệnh Covid nên chị có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân gia đình xử cho anh H được ly hôn chị D. Về án phí: Miễn tiền án phí cho anh H.

- Ý kiến luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Nhất trí với ý kiến của Kiểm sát viên không có gì tranh luận: Mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không tồn tại đề nghị HĐXX xử xử cho anh H được ly hôn chị D.

- Ý kiến luận cứ của bà Mai: Mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không tồn tại đề nghị HĐXX xử xử cho anh H được ly hôn chị D.

Về tiền án phí anh H thuộc đối tượng người khuyết tật hưởng tiền trợ cấp hàng tháng, đề nghị HĐXX miễn tiền án phí ly hôn anh H.

- Ý kiến bà Khoa. Đề nghị HĐXX xử cho anh H được ly hôn chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh H làm đơn xin ly hôn chị D; về con chung, tài sản, công nợ không có. Xác định về quan hệ tranh chấp "ly hôn"

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị D là bị đơn hiện đang cư trú tại xã Xuân Lương, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nông Thị D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị D có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phong, huyện Hiệp hòa, tỉnh Bắc Giang. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Qua lời khai của anh H, chị D đều thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H nghi ngờ chị D có quan hệ nam nữ với người khác. Vợ chồng đã sống ly thân từ 7/2021 đến nay. Nay cả anh H, chị D đều nhất trí ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc anh H xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung, anh H, chị D xác định không có nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: anh H thuộc đối tượng người khuyết tật. Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí ly hôn cho anh H. Hoàn trả anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 228, Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ, khoản 1, Điều 12; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Nông Thị D.

3. **Về con chung, tài sản chung, công nợ chung:** Anh H, chị D xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tiền án phí: Miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh H; Hoàn trả anh H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008568 ngày 18/11/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Y thu.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Vân Anh